TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 07 – 9 – 2020
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn**.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Sầm.

Ông Lương Văn Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST - DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp chia thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-DS ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Xuân N, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 175/7, đường L, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Trương Hoài P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 01 – 03, đường C, khu dân cư M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Thu M, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị Xuân L, sinh năm 1959; địa chỉ trước khi xuất cảnh đi nước ngoài: Số 259, ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Ông Lâm Thành T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Ông Lâm Thành H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 73/60, đường P, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Trương Hoài P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 01 – 03, đường C3, khu dân cư M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020). (Có mặt)

4. Bà Mai Thị Yến I, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

5. Ông Mai Quốc V, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

6. Bà Lư Thị Anh Ư (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018, nguyên đơn bà Lâm Thị Xuân N trình bày:

Cha bà tên Lâm Thành H, sinh năm 1939 (Chết năm 2016) và mẹ bà tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1935 (Chết năm 2017). Cha mẹ bà có tất cả 05 người con gồm: 1. Lâm Thị Xuân L, 2. Lâm Thị Xuân N, 3. Lâm Thành T, 4. Lâm Thành H, 5. Lâm Thị Thu M; cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú. Lúc sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất (QSDĐ) tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông Lâm Thành H và bà Nguyễn Thị C vào ngày 08/5/2015.

Trước khi chết, cha mẹ bà không để lại di chúc và nghĩa vụ về tài sản; ngoài tài sản trên thì cha mẹ bà không còn tài sản nào khác. Từ trước đến nay, căn nhà và đất trên do cha mẹ bà trực tiếp quản lý, sử dụng; sau khi cha mẹ bà chết thì em bà tên Lâm Thị Thu M mới đến ở và có ý định chiếm giữ tài sản này làm của riêng, mặc dù các anh chị em bà nhiều lần yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, nhưng bà M vẫn không chịu phân chia cho ai cả, tài sản tranh chấp có giá trị khoảng 600.000.000 đồng. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với phần đất thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2 cho 05 anh em bà thành 05 phần bằng nhau, bà nhận một phần, bà yêu cầu được nhận bằng giá trị (Nhận bằng tiền), bà đồng ý giao việc thờ cúng cha mẹ cho ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà N cho rằng do phần di sản ông H được hưởng, ông H đã tặng cho bà N, nên bà N được 02 phần. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giao cho bà N nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên; bà N sẽ trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác theo giá thị trường đã định là 2.613.655.000 đồng; do bà N là người cao tuổi nên đề nghị xem xét miễn tiền án phí sơ thẩm cho bà N; bà N nhận thờ cúng cha mẹ và không yêu cầu chia thêm suất thờ cúng; sau khi cha mẹ bà N chết thì ông T ly hôn và về ở trong căn nhà trên.

- Tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2019, bị đơn bà Lâm Thị Thu M trình bày:

Cha mẹ bà đã chết và có 05 người con như bà N trình bày; cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú. Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được tài sản là căn nhà và QSDĐ diện tích 142,7m^2, thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015. Trước khi chết, cha mẹ bà không để lại di chúc và nghĩa vụ về tài sản. Ngoài tài sản trên thì cha mẹ bà

không còn tài sản nào khác. Từ trước đến nay, căn nhà và đất trên do cha mẹ bà và bà trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc bà N cho rằng, sau khi cha mẹ bà chết thì bà mới đến ở là không đúng. Từ khi cha mẹ bà chết cho đến nay, các anh chị em bà chưa thỏa thuận phân chia di sản do cha mẹ bà chết để lại; sau khi cha mẹ bà chết thì bà N và ông H nhiều lần yêu cầu bà bán tài sản trên để phân chia cho các anh chị em. Tuy nhiên, do cha mẹ bà mới chết nên bà chưa đồng ý.

Nay bà N yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất nêu trên bà chưa đồng ý, nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà N thì bà yêu cầu chia làm 06 phần bằng nhau, 05 người 05 phần, còn lại 01 phần sẽ giao cho bà, do bà có công chăm sóc cha mẹ và thờ cúng cha mẹ từ khi cha mẹ bà chết cho đến nay và bà xin nhận bằng hiện vật. Bà M không đồng ý định giá theo giá thị trường, bà yêu cầu được chia 02 phần, bà xin được nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên; bà sẽ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác theo giá Nhà nước do Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã định là 618.754.100 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thành T và bà Lâm Thị Xuân L trình bày:

Bà L và ông T thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà M về hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ ông bà để lại là căn nhà và quyền sử dụng đất diện tích 142,7m^2, thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015. Tuy nhiên, do cha mẹ ông, bà mới chết; nên ông, bà chưa đồng ý chia. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà N thì ông, bà yêu cầu chia làm 06 phần bằng nhau, 05 người 05 phần, còn lại 01 phần sẽ giao cho bà M, do bà M có công chăm sóc cha mẹ và thờ cúng cha mẹ từ khi chết cho đến nay và ông, bà xin nhận bằng hiện vật.

- Tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thành H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà N về hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ ông để lại là căn nhà và quyền sử dụng đất diện tích 142,7m^2, thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015. Ông yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ ông chết để lại thành 05 phần bằng nhau, ông yêu cầu được nhận bằng giá trị (Nhận bằng tiền). Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế thành 06 phần bằng nhau của bà M, bà L, ông T, ông không đồng ý, ông yêu cầu được nhận thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại theo giá thị trường thành 05 phần bằng nhau và phần của ông H được hưởng, ông H tặng cho cho bà N và yêu cầu giao cho bà N được nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành

đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông H và bà C thành 05 phần bằng nhau và giao hiện vật là nhà và đất cho bà N, bà N có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Lâm Thị Xuân N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thành H vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bị đơn bà Lâm Thị Thu M, bà Lâm Thị Xuân L, ông Lâm Thành T, bà Mai Thị Yến I, ông Mai Quốc V, bà Lư Thị Anh Ư vắng mặt không rõ lý do; do đó, HĐXX căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vừa nêu trên.

[2] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà N yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đất gắn liền tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2. Đồng thời, trong vụ án có đương sự ở nước ngoài *(Bà L xuất cảnh đi nước ngoài vào ngày 02/5/2019 tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, nhưng không rõ nước nào – BL số 132, 133)*, việc tranh chấp giữa các đương sự có liên quan đến quyền thừa kế đối với tài sản là bất động sản nằm trên lãnh thổ Việt Nam của đương sự ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp chia thừa kế"* là đúng nhưng chưa đầy đủ; do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Huế chết năm 2016 (BL số 101) và bà Chính chết năm 2017 (BL số 102), đến ngày 27/11/2018 bà N khởi kiện và đến ngày 04/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện vào ngày 04/3/2019 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý và hòa giải ngày 02/4/2019 thì bà L có mặt tại Việt Nam và tham gia hòa giải, sau đó đến ngày 02/5/2019 thì bà L mới xuất cảnh đi nước ngoài. Lẽ ra, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng vẫn tiếp tục giải quyết vụ án mà không thay đổi thẩm quyền theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý. Do đó, xem như Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý vụ án theo đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[5] Như nhận định tại mục [4] vừa nêu trên, việc bà L thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho Tòa án biết địa chỉ mới và cũng không rõ thời gian trở về, xem như bà L cố tình dấu địa chỉ và Tòa án đã thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Các đương sự thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2019 đối với phần đất tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp GCN: CH 05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, phần đất theo Giấy chứng nhận và đo đạt thực tế có diện tích 142,7m^2. Tài sản trên đất gồm: Mái che phía trước, diện tích 2,6m x 6,6m, kết cấu mái lợp tole, đỡ gỗ dầu, nền xi măng, cột đúc sẵn; nhà chính, diện tích 4,25m x 15,4m, kết cấu tường xây gạch, cột đúc sẵn, mái lợp tole đỡ mái gỗ, nền gạch men; nhà sau, diện tích 4,25m x 2,1m, kết cấu tường xây gạch, cột đúc sẵn, mái lợp tole đỡ mái gỗ, nền gạch bông; nhà phụ, diện tích 17,5m x 3,15m, kết cấu tường xây gạch (Có 01 vách nhờ), cột đúc sẵn, mái lợp tole đỡ mái gỗ, nền xi măng. Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/6/2020 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng xác định giá trị QSDĐ là 2.402.809.285 đồng, trị công trình xây dựng trên đất là 210.845.781 đồng; tổng cộng là 2.613.655.066 đồng (Làm tròn là 2.613.655.000 đồng). Tuy bị đơn bà M không đồng ý định giá tài sản theo giá thị trường, nhưng sau khi định giá tài sản theo giá thị trường bà M không yêu cầu định giá lại tài sản, nên HĐXX lấy kết quả định giá tài sản này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[7] Các đương sự thống nhất phần nhà và đất tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp GCN: CH 05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2, có nguồn gốc là của ông H và bà C chết để lại; ông H và bà C chết không để lại di chúc; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên HĐXX xác định đây là di sản của ông H và bà C theo quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với phần đất thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2. Xét thấy, việc bà N yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số 19 gắn liền với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, tọa lạc như đã nêu trên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H cũng đồng ý. Tuy phía phía bị đơn bà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, ông T chưa đồng ý, nhưng cho rằng trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà N thì ông, bà yêu cầu chia làm 06 phần bằng nhau, 05 người 05 phần và 01 phần thờ cúng. Do đó, xem như ông, bà cũng đồng ý phân chia di sản thừa kế nêu trên theo pháp luật. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét phân chia di sản thừa kế của ông H và bà C theo pháp luật.

[9] Xác định về người, hàng thừa kế: Căn cứ vào các Điều 613, khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xác định về người, hàng thừa kế theo pháp luật của ông H và bà C (Tại bút lục số 98) và lời trình bày thống nhất của các đương sự như sau:

Ông H và bà C có tất cả 05 người con, tất cả đều còn sống gồm: (1) bà Lâm Thụ Xuân L. (2) bà Lâm Thị Xuân N. (3) ông Lâm Thành T. (4) ông Lâm Thành H. (5) bà Lâm Thị Thu M. Ngoài ra, ông H và bà C không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú nào khác; cha mẹ ông H và bà C đều đã chết. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông H và bà C gồm: Bà L, bà N, ông T, ông H và bà M.

[10] Về phân chia di sản thừa kế: Theo bà N yêu cầu chia di sản thừa kế nêu trên thành 05 phần bằng nhau, bà nhận một phần. Ông H cũng đồng ý phân chia di sản thừa kế thành 05 phần bằng nhau. Còn đối với bà M, bà L, ông T thì yêu cầu chia di sản thừa kế thành 06 phần bằng nhau, 05 người 05 phần, còn lại 01 phần sẽ giao cho bà M, do bà M có công chăm sóc cha mẹ và thờ cúng cha mẹ từ khi chết cho đến nay. Xét thấy, việc bà M chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đây là nghĩa vụ và quyền của con đối với cha mẹ được quy định tại khoản Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; còn việc thờ cúng cha mẹ và kỷ phần thờ cúng cha mẹ, do ông H và bà C chết không để lại di chúc, nên không xác định được di sản dùng vào việc thờ cúng và chỉ định người được giao quản lý để thực hiện việc thờ cúng theo quy định tại khoản 1 Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các đương sự tự thỏa thuận người thờ cúng, HĐXX không quyết định ai sẽ là người thờ cúng và cũng không quyết định phân chia kỷ phần cho người thờ cúng, vì việc thờ cúng cha mẹ là một nếp sống văn hóa lâu đời, là phong tục của người Việt Nam, thể hiện lòng tôn kính đối với người đã chết và để nhớ ơn đấng sinh thành. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau"*. Do đó, HĐXX xác định di sản thừa kế nêu trên được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi người thừa kế được hưởng 01 kỷ phần. Riêng kỷ phần của ông H tặng cho bà N nên bà N được nhận 02 kỷ phần.

[11] Việc bà N cho rằng phần di sản ông H được hưởng, ông H đã tặng cho bà, nên bà được 02 phần. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giao cho bà nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên; bà sẽ trả lại giá trị di sản thừa kế cho những người thừa kế khác theo giá thị trường đã định. Còn bà M thì cũng yêu cầu được nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên; bà sẽ trả lại giá trị di sản thừa kế cho những người thừa kế khác theo giá Nhà nước đã định. Bà L và ông T cũng yêu cầu được nhận bằng hiện vật là nhà và đất nêu trên. Xét thấy, căn nhà số 19 và đất gắn liền thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, tọa lạc như đã nêu trên có diện diện tích nhỏ không thể chia đều bằng hiện vật. Sau khi ông H và bà C chết thì ông T, bà M và các con bà M vào ở trong căn nhà này cho đến nay. Mặc dù, ông T, bà M và các con bà M đang quản lý, sử dụng nhà và đất này, nhưng ông T, bà M không đồng ý trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác theo giá thị trường là thiệt thòi quyền lợi của những người thừa kế khác. Trong khi đó, bà N được hưởng 02 kỷ phần thừa kế và bà đồng ý trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác theo giá thị trường (Giá thị trường cao hơn giá Nhà nước số tiền 1.994.900.900 đồng) là có lợi hơn rất nhiều cho những người thừa kế khác. Do đó, việc bà N yêu cầu được nhận nhà và đất nêu trên là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận và buộc ông T, bà M cùng các con của bà M có trách nhiệm giao trả nhà đất nêu trên cho bà N; bà N có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho những người thừa kế khác gồm bà M, bà L, ông T mỗi người 01 kỷ phần. Như nhận định tại mục [6] vừa nêu trên thì di sản của ông H và bà C có tổng giá trị số tiền 2.613.655.000 đồng (Mỗi kỷ phần tương ứng với số tiền 522.731.000 đồng).

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí lần 1 số tiền 1.150.000 đồng, chi phí lần 2 số tiền 11.550.000 đồng; tổng chi phí số tiền 12.700.000 đồng. Do yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà N được chấp nhận, nên mỗi người phải chịu tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng số tiền 2.540.000 đồng; như vậy, bà N phải chịu 02 phần với số tiền 5.080.000 đồng; bà M, bà L, ông T mỗi người phải chịu số tiền 2.540.000 đồng. Do bà N đã nộp tạm ứng trước số tiền 1.150.000 đồng và ông H nộp tạm ứng trước số tiền 11.550.000 đồng; nên bà N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H số tiền 3.930.000 đồng; bà M, bà L, ông T mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H số tiền 2.540.000 đồng; theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà N được chấp nhận, nên mỗi người phải chịu tương ứng với kỷ phần mình được nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, bà N là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Còn đối với bà M, bà L, ông T được nhận mỗi kỷ phần với số tiền 522.731.000 đồng, nên mỗi người phải chịu số tiền 24.090.240 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 400.000.000 đồng).

[14] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông H và bà C thành 05 phần bằng nhau và giao hiện vật là nhà và đất cho bà N, bà N có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273; điểm a khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 612, 613, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Xuân N.

- Chia di sản thừa kế của ông Lâm Thành H và bà Nguyễn Thị C đối với căn nhà tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với phần đất thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 014374, số vào sổ cấp GCN: CH 05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015 cho 05 người con của ông H và bà C thành 05 phần bằng nhau gồm: Bà Lâm Thị Xuân N, bà Lâm Thị

Thu M, bà Lâm Thị Xuân L, ông Lâm Thành T và ông Lâm Thành H (Riêng kỷ phần thừa kế của ông Lâm Thành H đã tặng cho bà Lâm Thị Xuân N).

- Giao cho bà Lâm Thị Xuân N căn nhà số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, bao gồm: Mái che phía trước, diện tích 2,6m x 6,6m, kết cấu mái lợp tole, đỡ gỗ dầu, nền xi măng, cột đúc sẵn; nhà chính, diện tích 4,25m x 15,4m, kết cấu tường xây gạch, cột đúc sẵn, mái lợp tole đỡ mái gỗ, nền gạch men; nhà sau, diện tích 4,25m x 2,1m, kết cấu tường xây gạch, cột đúc sẵn, mái lợp tole đỡ mái gỗ, nền gạch bông; nhà phụ, diện tích 17,5m x 3,15m, kết cấu tường xây gạch (Có 01 vách nhờ), cột đúc sẵn, mái lợp tole đỡ mái gỗ, nền xi măng gắn liền với phần đất thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 014374, số vào sổ cấp GCN: CH 05170 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông H và bà C vào ngày 08/5/2015; phần đất có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp với thửa đất số 258 của bà Nguyễn Thị Minh X, có số đo 19,70m + 1,74m. Hướng tây giáp với mương thoát nước, có số đo 18,77m + 0,59m + 1,27m. Hướng nam giáp mương nước, có số đo 4,01m + 0,37m + 3,46m. Hướng bắc giáp với đường Trương Văn Q, có số đo 6,17m *(Đính kèm sơ đồ vị trí thửa đất ngày 06/5/2019)*.

- *Buộc ông Lâm Thành T, bà Lâm Thị Thu M và các con của bà M gồm:* Bà Mai Thị Yến I, ông Mai Quốc V, bà Lư Thị Anh Ư cùng có trách nhiệm giao trả nhà và đất gắn liền thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142,7m^2, tọa lạc tại số 19, đường T, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho bà Lâm Thị Xuân N.

- Buộc bà Lâm Thị Xuân N có nghĩa vụ giao trả cho bà Lâm Thị Thu M, bà Lâm Thị Xuân L, ông Lâm Thành T mỗi người 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 522.731.000 đồng (Năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Bà Lâm Thị Xuân N phải chịu số tiền 5.080.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); bà Lâm Thị Thu M, bà Lâm Thị Xuân L, ông Lâm Thành T mỗi người phải chịu số tiền 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Do bà Lâm Thị Xuân N đã nộp tạm ứng trước số tiền 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và ông Lâm Thành H đã nộp tạm ứng trước số tiền 11.550.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); nên bà Lâm Thị Xuân N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lâm Thành H số tiền 3.930.000 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); bà Lâm Thị Thu M, bà Lâm Thị Xuân L, ông Lâm Thành T mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lâm Thành H số tiền 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Xuân N được miễn toàn bộ. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Xuân N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo Biên lai thu số 0004983 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Lâm Thị Thu M, bà Lâm Thị Xuân L, ông Lâm Thành T mỗi người phải chịu số tiền 24.090.240 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS tp. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.